

Bản án số: 528/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2021.
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng V.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Văn R.
2/ Ông Thái Văn S.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa..

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 994/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm: 1954. (vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965. (vắng mặt).

Cùng ngụ địa chỉ: số 130 Tỉnh Lộ 7, ấp L, xã T, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày:

Nguyên vào năm 1986, Ông và bà Nguyễn Thị N cùng chung sống như vợ chồng cho đến nay, nhưng hai bên không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống, hai vợ chồng về sống bên gia đình ông tại ấp Vân Hàn, xã Trung Lập Thượng, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 1990, Ông mua 01 thửa đất đất tại ấp Lào Táo Trung, xã Trung Lập Hạ, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh và cất được căn nhà cấp 4, hai vợ về chung sống tại đây từ năm 1990 cho đến nay, thời gian đầu sống rất hạnh phúc.

Đến những năm sau này, khoảng năm 2017, khi sức khỏe ông sa sút, kinh tế gia đình cũng khó khăn thì vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột, cãi vã,...do bất đồng trong lối sống, đời sống,...đỉnh điểm là vào tháng 3/2020, ông bị tai nạn giao thông rất nghiêm trọng, phải đi cấp cứu vì bị chấn thương sọ não (bị móp sọ, hiện còn gửi hấp sọ tại bệnh viện 115) thì bà Nga còn tỏ ra gây gắt, đây nghiêng hất hủi, chửi rủa,...ông nhiều hơn, thậm tệ hơn và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn.

Nay xét thấy giữa vợ chồng không thể hàn gắn được do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy nên nay ông làm đơn này xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Nga theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Kim Duyên, sinh ngày 21/12/1987 và Lê Trung Kiên, sinh ngày 01/4/1994. Các con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Năm 1990, sau khi xuất ngũ ông nhận được một số tiền trợ cấp bộ đội xuất ngũ, thương binh,...nên ông có mua được một phần đất tại ấp Lào Táo Trung, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa số 1047, 1047-1, tờ bản đồ số 6, diện tích 466 m² (ngang 11 m, dài khoảng 40 m). Phần đất này ông và bà Nga đã có thỏa thuận và đồng ý tặng cho con gái tên Lê Thị Kim Duyên một phần ngang 5 m, dài hết đất, diện tích khoảng 200 m². Phần thừa đất còn lại diện tích khoảng 266 m² (Ngang 6m, dài hết đất) trên đất vợ chồng ông có xây dựng căn nhà cấp 4, cư ngụ từ năm 1990, đến năm 2015 có sửa chữa tu bổ lại toàn bộ căn nhà. Phần tài sản là nhà, đất này vợ chồng đã thỏa thuận là đưa vào làm tài sản chung. Giá trị hiện nay khoảng 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Về phần tài sản chung này, yêu cầu Tòa án giải quyết được chia đôi, tức mỗi người được 1.500.000.000 đồng. Tuy nhiên ưu tiên cho bà Nga được quyền lựa chọn một trong hai cách là: Nếu bà Nga chọn lấy nhà đất này thì thôi lại cho ông 1.500.000.000 đồng, ông sẽ ra đi; Ngược lại, nếu bà Nga ra đi thì ông sẽ thôi lại cho bà Nga 1.500.000.000 đồng.

Nghĩa vụ dân sự chung: Hiện vợ chồng ông còn nợ ngân hàng số tiền khoảng 80.000.000 đồng. Số tiền nợ này thì hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản ghi nhận ý kiến lập ngày 04/5/2021, Ông Miên trình bày: Ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà Nguyễn Thị Nga là vợ chồng.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Kim Duyên, sinh ngày 21/12/1987 và Lê Trung Kiên, sinh ngày: 01/4/1994, hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Bản sao khai sinh con + Chứng minh nhân dân + hộ khẩu + giấy nộp tiền cho Ngân hàng Sacombank.

Trong nội dung bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ kiện, bà Nguyễn Thị Nga trình bày: Bà và ông Lê Văn Miên cưới nhau năm 1985, không đăng ký kết hôn, bà và ông Miên tự nguyện đến với nhau. Sau khi kết hôn, Vợ chồng bà sống chung tại ấp Vân Hàn, xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, sau đó vợ chồng bà có di dời về sống tại số 130 Tỉnh Lộ 7, ấp Lào Táo Trung, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh và sống rất hạnh phúc cho đến khi bà phát hiện chồng bà là ông Lê Văn Miên có quan hệ bất chính với người khác bên ngoài và ông Miên đã yêu cầu ly hôn với bà. Hiện tại bà và ông Miên có hai con chung tên Lê Thị kim Duyên, sinh ngày 21/12/1987 và Lê Trung Kiên, sinh ngày: 01/4/1994. Về tài sản chung vợ chồng bà có nhà chung đang ở tại số 130 Tỉnh Lộ 7, ấp Lào Táo Trung, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (Ngang 06m, dài 35m) và hiện đang thế chấp tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Tân Quy, huyện Củ Chi để vay số tiền là 80.000.000 đồng.

Trong biên bản ghi nhận ý kiến lập ngày 04/5/2021, Bà Nga trình bày: Quá trình kết hôn và chung sống đúng như những gì ông Miên vừa trình bày. Do hai vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vã nay ông Miên yêu cầu ly hôn với bà, bà đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Kim Duyên, sinh ngày 21/12/1987 và Lê Trung Kiên, sinh ngày: 01/4/1994, hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Bản sao Chứng minh nhân dân + hộ khẩu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn đã có bản tự khai rõ ràng và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn Miên và bà Nguyễn Thị Nga tự nguyện chung sống với nhau và không đăng ký kết hôn nên hôn nhân không hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông M là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn Thị N; Bà Nga cũng đồng ý theo yêu cầu của ông Miên là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Miên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Miên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Kim Duyên, sinh ngày 21/12/1987 và Lê Trung Kiên, sinh ngày: 01/4/1994. Hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Ông M và bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc ông M phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 14; Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng.
2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Kim Duyên, sinh ngày 21/12/1987 và Lê Trung Kiên, sinh ngày: 01/4/1994. Hai con chung đã trưởng thành
3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.
5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc ông Lê Văn M phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0084641 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương